

DI CHỨC BẰNG VĂN BẢN KHÔNG CÓ NGƯỜI LÀM CHỨNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 - MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

AN VĂN KHOÁI*
VŨ HOÀNG LONG**

Tóm tắt: Di chúc là hình thức thể hiện ý chí của người để lại di sản nhằm định đoạt toàn bộ hoặc một phần tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của mình cho một hoặc nhiều người sau khi người đó chết. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng; từ đó, bài viết chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc và đưa ra kiến nghị hoàn thiện cụ thể đối với vấn đề này.

Từ khóa: di chúc bằng văn bản; người làm chứng; Bộ luật Dân sự; thừa kế.

Ngày nhận bài: 24/01/2024; Ngày hoàn thành biên tập: 20/02/2024; Ngày duyệt đăng bài: 21/02/2024

Abstract: Will is a form of expressing the wishes of the person leaving a legacy to dispose of all or part of the property under his or her ownership and use rights to one or more people after that person's death. The article focuses on analysing and evaluating the provisions of the 2015 Civil Code on unwitnessed written wills. On that basis, the article points out some limitations and problems, and makes specific recommendations for improving this issue.

Keywords: written will; witness; the Civil Code; inheritance.

1. Đặt vấn đề

Việc định đoạt tài sản của cá nhân sau khi chết được pháp luật nước ta ghi nhận từ khá sớm và ngày càng được hoàn thiện; việc định đoạt tài sản trong trường hợp này thông thường được thực hiện thông qua di chúc. Di chúc là hình thức thể hiện ý chí của người để lại di sản nhằm định đoạt toàn bộ hoặc một phần tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của mình cho một hoặc nhiều người sau khi người đó chết. Mặc dù pháp luật dân sự ngày càng hoàn thiện quy định về hình thức di chúc, tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu và áp dụng vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, làm giảm tính hiệu lực, hiệu quả của quy định này trong thực tiễn. Bài viết này, tác giả tập trung phân tích, đánh giá và chỉ ra hạn chế, vướng mắc đối với hình thức di chúc bằng văn bản không có người làm chứng; từ đó đưa ra

một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

2. Quy định về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng trong Bộ luật Dân sự năm 2015

Trong lịch sử pháp luật dân sự nước ta, di chúc bằng văn bản được ghi nhận từ khá sớm với nhiều tên gọi khác nhau, nhưng về cơ bản, nội hàm không có nhiều thay đổi. Trước đây, trong các Bộ luật Dân sự (BLDS) của nước ta chưa có sự phân chia các loại di chúc bằng văn bản như hiện nay, cụ thể, BLDS năm 1995 sử dụng khái niệm “di chúc bằng văn bản” thay khái niệm “di chúc viết” của các thời kỳ trước. Theo đó, có thể hiểu “di chúc bằng văn bản” bao gồm cả di chúc đánh máy và di chúc viết. Đồng thời, BLDS năm 1995 bổ sung quy định, di chúc

*, ** TAND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

tự đánh máy hay nhờ người khác đánh máy phải có công chứng/chứng thực thì mới có hiệu lực¹. Người thuộc dân tộc thiểu số có quyền lập di chúc bằng chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc mình.

BLDS năm 1995 cũng quy định chặt chẽ việc viết, ký di chúc, cụ thể: “*Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu; nếu di chúc gồm nhiều trang, thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc*” (khoản 2 Điều 656).

Đến BLDS năm 2015 đã phân loại di chúc bằng văn bản thành 04 loại khác nhau tại Điều 628, cụ thể, di chúc bằng văn bản gồm:

“1. *Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng;*

2. *Di chúc bằng văn bản có người làm chứng;*

3. *Di chúc bằng văn bản có công chứng;*

4. *Di chúc bằng văn bản có chứng thực*”.

Tùy vào từng loại hình thức di chúc mà những điều kiện về chữ ký, điểm chỉ, người làm chứng, công chứng hoặc chứng thực sẽ được yêu cầu với những trình tự, thủ tục lập khác nhau. Với sự đa dạng về các loại hình thức di chúc bằng văn bản sẽ giúp “*người lập di chúc bằng văn bản có quyền, tùy ý muốn của mình và tùy theo hoàn cảnh cụ thể chọn một trong những hình thức di chúc bằng văn bản nói trên*”².

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích, đánh giá đối với di chúc bằng văn bản không có người làm chứng quy định tại khoản 1 Điều 628 BLDS năm 2015. Loại di chúc này được quy định cụ thể tại Điều 633 BLDS năm 2015 như sau:

“*Người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc.*

Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 của Bộ luật này”.

Đây là hình thức di chúc khá phổ biến trong đời sống xã hội hiện nay, bởi lẽ, một người muốn định đoạt tài sản của mình sau khi chết nhưng muốn giữ bí mật không cho người khác biết thì sẽ lựa chọn loại hình di chúc này. Hơn nữa, di chúc do người để lại di sản tự lập là loại hình thức di chúc bằng văn bản được lập một cách đơn giản, không tốn kém chi phí. Do vậy, đây là loại hình di chúc có nhiều ưu điểm, luôn là lựa chọn đầu tiên của người để lại di sản.

Với loại hình di chúc này, pháp luật đòi hỏi phải thỏa mãn một số điều kiện sau đây:

Thứ nhất, người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc do mình lập ra.

Với điều kiện này, đòi hỏi người lựa chọn hình thức di chúc này phải là người biết chữ và phải có khả năng tự viết ra nội dung di chúc thể hiện ý chí của mình mà không cần nhờ tới bất kỳ ai làm thay việc này.

Đồng thời, BLDS năm 2015 cũng quy định, sau khi viết di chúc thì người lập di chúc trong trường hợp này phải ký vào bản di chúc do mình lập ra. Đây là điều kiện bắt buộc để thể hiện ý chí của người viết di chúc đối với nội dung di chúc mà họ lập ra. Theo đó, nếu một bản di chúc được lập ra, do chính người đó viết để định đoạt tài sản của mình sau khi chết nhưng không có chữ ký của họ thì bản di chúc đó cũng chưa thỏa mãn yêu cầu theo quy định tại Điều 633

¹ Chu Xuân Minh, *Di chúc hợp pháp không có công chứng, chứng thực*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/di-chuc-hop-phap-khong-co-cong-chung-chung-thuc>, truy cập ngày 10/5/2021.

² Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005 - tập 3*, Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2010, tr.51.

BLDS năm 2015, nên không có hiệu lực pháp luật.

Thứ hai, nội dung của di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải bảo đảm tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 631 BLDS năm 2015.

Đây là điều kiện để đánh giá nội dung của bản di chúc bằng văn bản không có người làm chứng, theo đó, bản di chúc này phải bảo đảm có các nội dung nêu tại khoản 1 Điều 631 BLDS năm 2015, ngoài ra, di chúc có thể có các nội dung khác³ và di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.

Trường hợp di chúc có sự tẩy xóa, sửa chữa thì người tự viết di chúc phải ký tên bên cạnh chỗ tẩy xóa, sửa chữa⁴.

3. Một số tồn tại, hạn chế đối với di chúc bằng văn bản không có người làm chứng và kiến nghị hoàn thiện

3.1. Hạn chế về kỹ thuật lập pháp

Điều 633 BLDS năm 2015 quy định người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc. Như vậy, theo quy định của Điều luật này thì pháp luật chỉ ghi nhận việc người lập di chúc tự viết bản di chúc và phải ký vào bản di chúc đó mà không ghi nhận việc điểm chỉ vào bản di chúc đó thay cho chữ ký của người lập di chúc.

Tuy nhiên, Điều 633 BLDS năm 2015 dẫn chiếu đến nội dung Điều 631 BLDS năm 2015, theo đó, việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 của Bộ luật này.

Khoản 3 Điều 631 BLDS năm 2015 quy định: “...nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di

chức”. Như vậy, khoản 3 Điều 631 BLDS năm 2015 thừa nhận hai hình thức là ký tên hoặc điểm chỉ của người lập di chúc đối với bản di chúc đó. Tức là, sau khi viết bản di chúc thì người lập di chúc không có người làm chứng có thể lựa chọn ký tên hoặc điểm chỉ vào bản di chúc đó.

Như vậy, rõ ràng chưa có sự thống nhất giữa quy định tại Điều 631 và Điều 633 BLDS năm 2015 về vấn đề này.

Thực tế, việc chỉ ghi nhận chữ ký mà không ghi nhận điểm chỉ vào bản di chúc bằng văn bản không có người làm chứng cũng tạo ra những quan điểm khác nhau. Cụ thể, có quan điểm cho rằng, “*nếu người lập di chúc đã tự tay viết vào bản di chúc nhưng không ký vào bản di chúc, mà thay vào đó là điểm chỉ vào bản di chúc, thì di chúc cũng không có giá trị*”⁵. Bởi lẽ, khi người để lại di sản đã có thể tự mình viết bản di chúc thì cũng sẽ không có gì khó cho họ khi họ cũng sẽ ký vào bản di chúc mà họ lập. Nếu cần giám định chữ viết sẽ căn cứ vào chữ viết trong di chúc do chính tay người để lại di sản lập ra cộng thêm chữ ký của họ trong di chúc thì di chúc đã quá đủ độ tin cậy.

Quan điểm khác lại cho rằng, tính xác thực của điểm chỉ cao hơn nhiều so với chữ ký nên nếu cần giám định thì điểm chỉ sẽ mang lại tính chính xác cao hơn⁶. Quan điểm này xuất phát từ căn cứ khoa học khi cần giám định đối với bản di chúc đó.

Tác giả cho rằng, cả hai quan điểm đều có những lý lẽ thuyết phục riêng; hiện nay,

³ Khoản 2 Điều 631 BLDS năm 2015.

⁴ Khoản 3 Điều 631 BLDS năm 2015.

⁵ Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Tiđđ* (2), tr.51.

⁶ Nguyễn Thanh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Tuyên, *Hình thức của di chúc theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 14 (438), năm 2021, tr.45-46.

ghi nhận tại Điều 631 và Điều 633 BLDS năm 2015 đang tạo ra sự không thống nhất như tác giả phân tích ở trên. Do vậy, để khắc phục hạn chế này và để phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn, chúng tôi kiến nghị, khi sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2015, nhà làm luật nên sửa đổi, bổ sung Điều 633 BLDS năm 2015 để bảo đảm tính toàn diện và đầy đủ.

Theo đó, tác giả kiến nghị nội dung Điều 633 BLDS năm 2015 sau khi được sửa đổi, bổ sung được thể hiện như sau:

“Người lập di chúc phải tự viết và ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc...”

Trong thực tiễn xét xử, cũng có Tòa án ghi nhận giá trị pháp lý của điểm chỉ đối với bản di chúc bằng văn bản không có người làm chứng, cụ thể: Tòa án đã nhận định như sau: *“hình thức 02 bản di chúc không có người làm chứng thì mỗi trang của di chúc phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc...”*⁷.

Trường hợp này, với nhận định của Tòa án thì thấy, Tòa án vẫn xác định điểm chỉ có giá trị pháp lý thay cho chữ ký của người để lại di sản trong bản di chúc. Chúng tôi cho rằng, nhận định của Tòa án trong bản án này là linh hoạt và phù hợp. Do vậy, trước mắt khi chưa sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2015, tác giả kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành án lệ về việc thừa nhận điểm chỉ có giá trị tương tự chữ ký của người lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng quy định tại Điều 633 BLDS năm 2015.

3.2. Hạn chế, bất cập về hình thức thể hiện của di chúc bằng văn bản không có người làm chứng và kiến nghị hoàn thiện

Điều 627 BLDS năm 2015 quy định: *“Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu*

không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng”.

Đây là quy định chung về hình thức di chúc, theo đó, di chúc phải được lập thành văn bản hoặc di chúc miệng. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng là loại di chúc được lập thành văn bản; trong bài viết này, tác giả chỉ tập trung phân tích đối với loại hình di chúc này.

Điều 633 BLDS năm 2015 quy định: *“Người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc...”*. Như vậy, theo quy định này thì hiện nay, luật mới chỉ ghi nhận hình thức thể hiện của di chúc bằng văn bản không có người làm chứng là tồn tại dưới bản viết trên một chất liệu cụ thể, có thể là giấy, gỗ, nhựa,... mà chưa ghi nhận hình thức thể hiện trên bản điện tử. Như vậy, loại hình thức di chúc này theo pháp luật Việt Nam đang được hiểu theo nghĩa hẹp. Những bản di chúc dưới định dạng dữ liệu điện tử chưa được in ra, đang được lưu giữ trên các phương tiện điện tử không được thừa nhận. Đây cũng là một hạn chế, chưa thể hiện sự tiệm cận với pháp luật một số quốc gia trên thế giới, nhất là trong bối cảnh hiện nay, việc ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 vào đời sống dân sự ngày càng dần trở nên phổ biến.

Theo đó, việc sử dụng công nghệ hoàn toàn cho phép một người có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình sau khi chết mà có thể đáp ứng được đầy đủ các đòi hỏi, yêu cầu của Điều 631 và Điều 633 BLDS năm 2015, đó là việc người đó tự đánh

⁷ Bản án số 132/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-1322017dsst-ngay-28092017-ve-tranh-chap-chia-di-san-thua-ke-va-chia-tai-san-chung-12902>, truy cập ngày 20/12/2023.

máy và dùng chữ ký điện tử để xác nhận tính hợp pháp của bản di chúc đó. Có thể thấy, việc tạo ra bản di chúc điện tử sẽ thuận tiện hơn cho việc lưu trữ, không sợ bị thất lạc hay hỏng, rách,... giống như bản di chúc bằng bản giấy.

Trên thế giới, di chúc điện tử đã được một số quốc gia ghi nhận. *Tại Mỹ*, theo quy định của Luật Di chúc điện tử, có thể hiểu di chúc điện tử là một bản ghi có thể đọc được dưới dạng văn bản tại thời điểm ký. Di chúc điện tử là di chúc được tạo lập, lưu trữ và có thể đọc được dưới dạng văn bản trên các phương tiện điện tử⁸.

Thông qua các phương tiện công nghệ thông tin, người để lại di sản sẽ thể hiện ý chí của mình, được ghi nhận và lưu giữ bằng các thông điệp dữ liệu trên các thiết bị điện tử. Đồng thời, ngày nay, khi hợp đồng điện tử được thừa nhận một cách dần trở nên phổ biến, được giao kết và thực hiện dường như rất thông dụng thì việc ghi nhận di chúc điện tử cũng có đủ các cơ sở để tồn tại⁹.

Do vậy, tác giả kiến nghị, khi sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2015, nhà làm luật cần nghiên cứu, bổ sung quy định thừa nhận hình thức di chúc điện tử vào Điều 627 BLDS năm 2015. Đây là điều luật chung quy định về hình thức di chúc, việc thừa nhận hình thức di chúc điện tử nên được áp dụng chung cho các loại di chúc bằng văn bản¹⁰, trong đó có di chúc bằng văn bản không có người làm chứng; đặc biệt trong bối cảnh Luật Giao dịch điện tử năm 2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22/6/2023 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2024¹¹ có nhiều thay đổi quan trọng về việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.

Tuy nhiên, để bảo đảm tính xác thực của di chúc bản điện tử thì nhà làm luật cần nghiên cứu để bổ sung quy định các điều kiện có liên quan như điều kiện về chữ ký số, về cách thức bảo mật và cách thức xác định tính nguyên gốc của di chúc sẽ được quy định cụ thể và di chúc được lập theo một trình tự gắn liền với các thiết bị điện tử. Theo đó, trong trường hợp này, cần thống nhất rằng di chúc điện tử hay di chúc truyền thống đều là di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải được thực hiện với những điều kiện giống nhau, đó là, phải do chính người để lại di sản viết và thực hiện ký vào bản di chúc đó, đồng thời, phải đáp ứng các quy định về nội dung di chúc được ghi nhận tại Điều 631 BLDS năm 2015. Điểm khác biệt duy nhất của hai loại hình thức di chúc này là đối với di chúc bằng văn bản truyền thống thì được ghi nhận và lưu giữ bằng các chất liệu truyền thống (như trên giấy, trên vải...), được ký tên bằng chữ ký tay hoặc điểm chỉ. Đối với di chúc điện tử, tất cả các giai đoạn từ ghi nhận ý chí, lưu giữ ý chí đều được thực hiện trên các phương tiện điện tử với chữ ký số. Về chữ ký điện tử, khoản 11 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định: “*Chữ ký điện tử là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu để xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể đó đối với thông điệp dữ liệu*”.

⁸ Gary, Susan N, Orlando J. and Marian H. Hollis, *The electronic Wills act: facing the inevitable*, Real Property, Trust, and Estate Law Journal, Chicago, tập 55, số 3, 2021, tr.312-313.

⁹ Gary, Susan N, Orlando J. and Marian H. Hollis, *Tidd (8)*, tr.312-313.

¹⁰ Điều 628 BLDS năm 2015.

¹¹ Điều 52 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

3.3. Về ngôn ngữ thể hiện trong di chúc bằng văn bản không có người làm chứng

Điều 633 BLDS 2015 ghi nhận: “Người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc...”.

Khoản 3 Điều 631 quy định:

“Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc...”.

Như vậy, BLDS năm 2015 không quy định cụ thể về ngôn ngữ được thể hiện trong di chúc bằng văn bản không có người làm chứng; từ đó có thể hiểu người lập di chúc có thể lựa chọn bất kỳ ngôn ngữ nào để viết trong di chúc. Đây là một trong những quyền của công dân, được tôn trọng và bảo vệ bởi pháp luật¹². Trong trường hợp nếu di chúc được lập bằng tiếng nước ngoài thì bản di chúc đó phải được dịch ra tiếng Việt và phải có công chứng, chứng thực khi công bố di chúc¹³. Đây được đánh giá là điểm tiến bộ so với quy định trước đây trong BLDS năm 1995 và BLDS năm 2005, theo đó, trước đây trong BLDS ghi nhận: “người dân tộc thiểu số có quyền lập di chúc bằng chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc mình”¹⁴. Quy định này được đánh giá là chưa toàn diện và đầy đủ; do đó, việc sửa đổi, bổ sung của BLDS năm 2015 là phù hợp và cần thiết.

Tuy nhiên, nội dung này nếu không được ghi nhận một cách cụ thể, rõ ràng thì có thể phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. Cụ thể, sẽ có trường hợp một người có thể dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau để viết bản di chúc không có người làm chứng; sau khi họ chết, bản di chúc này được công bố và theo quy định tại khoản 5 Điều 647 BLDS năm 2015 thì đối với những nội dung

di chúc bằng tiếng nước ngoài sẽ được dịch ra tiếng Việt. Tuy nhiên, việc dịch cùng lúc nhiều ngôn ngữ nước ngoài ra tiếng Việt trong một bản di chúc có thể dẫn đến tranh chấp phát sinh vì sẽ có các cách hiểu khác nhau về ý chí cuối cùng của người để lại di sản thừa kế trong việc định đoạt tài sản của mình hoặc sẽ có những nội dung sau khi được dịch gây nhầm lẫn, khó hiểu với các nội dung khác trong cùng bản di chúc.

Điều này là hoàn toàn có thể xảy ra khi pháp luật dân sự hiện hành không quy định giới hạn ngôn ngữ được dùng để người lập di sản viết di chúc mà không có người làm chứng. Do đó, để thực hiện nhiệm vụ dự liệu trong giải quyết các tình huống có thể phát sinh trong thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả kiến nghị, khi sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2015, nhà làm luật nên bổ sung một điều khoản ghi nhận việc giải thích nội dung di chúc bằng văn bản không có người làm chứng, bởi lẽ, đây là loại văn bản chỉ do duy nhất người để lại di sản lập, ngoài ra không có sự tham gia, chứng kiến của bất kỳ người nào khác.

Điều 648 BLDS năm 2015 về giải thích nội dung di chúc đã quy định:

“Trường hợp nội dung di chúc không rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau thì những người thừa kế theo di chúc phải cùng nhau giải thích nội dung di chúc dựa trên ý nguyện đích thực trước đây của người chết, có xem xét đến mối quan hệ của người chết với người thừa kế theo di chúc.

¹² Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, *Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm*, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/thuc-hien-tot-nguyen-tac-cong-dan-duoc-lam-tat-ca-nhung-gi-phap-luat-khong-cam-119221126131952802.htm>, truy cập ngày 20/12/2023.

¹³ Khoản 5 Điều 647 BLDS năm 2015.

¹⁴ Điều 652 BLDS năm 1995, Điều 649 BLDS năm 2005.

Khi những người này không nhất trí về cách hiểu nội dung di chúc thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết...”

Đây là điều luật ghi nhận việc giải thích nội dung di chúc nói chung, việc giải thích nội dung di chúc được thực hiện dựa trên ý nguyện đích thực trước đây của người chết, có xem xét đến mối quan hệ của người chết với người thừa kế theo di chúc.

Tuy nhiên, như trên đã phân tích, việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng chỉ do duy nhất người để lại di sản thừa kế thực hiện, do đó, rất khó để biết được tính chính xác về ý nguyện đích thực của họ trước khi chết; hơn nữa, với việc dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau trong bản di chúc này dẫn đến một số khó khăn, hạn chế nêu trên.

Do vậy, tác giả kiến nghị, khi sửa đổi, bổ sung BLDS năm 2015, nhà làm luật cần sửa đổi, bổ sung Điều 648 về giải thích nội dung di chúc với các tiêu chí đánh giá, giải thích cụ thể, rõ ràng hơn.

Tác giả kiến nghị, nội dung điều luật được thể hiện như sau:

“Điều 648. Giải thích nội dung di chúc

1. Trường hợp nội dung di chúc không rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau thì những người thừa kế theo di chúc phải cùng nhau giải thích nội dung di chúc. Khi những người này không nhất trí về cách hiểu nội dung di chúc thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc giải thích nội dung di chúc dựa trên một trong các tiêu chí sau đây:

a) Theo ý nguyện đích thực trước đây của người chết, có xem xét đến mối quan hệ của người chết với người thừa kế theo di chúc.

b) Theo nghĩa phù hợp với mục đích của di chúc;

c) Theo tập quán nơi di chúc được xác lập.

2. Trường hợp có một phần nội dung di chúc không giải thích được nhưng không ảnh hưởng đến các phần còn lại của di chúc thì chỉ phần không giải thích được không có hiệu lực”.

Kết luận

Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng là hình thức di chúc được ghi nhận từ khá sớm trong pháp luật dân sự nước ta và ngày càng được người để lại di sản ưu tiên lựa chọn bởi tính bảo mật, riêng tư,... của nó. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy vẫn còn tồn tại một số tồn tại, hạn chế dẫn đến việc thực thi các quy định về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng chưa thực sự phát huy được hết giá trị, chưa đáp ứng kỳ vọng của người dân. Do vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định pháp luật dân sự về nội dung này là tất yếu khách quan. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;
2. Luật Giao dịch điện tử năm 2023.
3. Bản án số 14/2017/DSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Phú Thọ, <https://congboaban.toaan.gov.vn/2ta40641t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập 20/12/2023.
4. Bản án số 113/2019/DS-PT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
5. Chu Xuân Minh, *Di chúc hợp pháp không có công chứng, chứng thực*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/di-chuc-hop-phap-khong-co-cong-chung-chung-thuc>, truy cập ngày 10/5/2021.
6. Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005 - tập 3*, Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2010.
7. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, *Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm*, <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/thuc-hien-tot-nguyen-tac-cong-dan-duoc-lam-tat-ca-nhung-gi-phap-luat-khong-cam-119221126131952802.htm>, truy cập ngày 20/12/2023.
8. Nguyễn Thanh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Tuyên, *Hình thức của di chúc theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 14 (438), năm 2021.
9. Gary, Susan N, Orlando J. and Marian H. Hollis, *The electronic Wills act: facing the inevitable*, Real Property, Trust, and Estate Law Journal, Chicago, tập 55, số 3, 2021.